

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T.X.
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09/01/2018
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Toà án nhân dân quận T.X.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Lan Anh**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Đỗ Quang Linh**

Bà **Chu Thị Tuyết**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông **Phan Lạc Mạnh** - Cán bộ tòa án

Đại diện VKSND quận T.X.: Bà **Vũ Thị Anh Đào** - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T.X., Tp Hà Nội, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 183/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 317/QĐXX-ST, ngày 25 tháng 12 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thúy V.** - Sinh năm: 1971 (có mặt)

HKTT: P102 - D9 PM., phường PM., quận ĐĐ., Hà Nội.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Ph.** - Sinh năm: 1973 (có mặt)

HKTT: Số 13, ngõ 122, đường KĐ., phường HĐ., quận T.X., Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 12/4/2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy V. trình bày:

Bà kết hôn với ông Nguyễn Văn Ph. có đăng ký kết hôn tại UBND phường HĐ., quận T.X., Hà Nội ngày 20/5/2004 trên cơ sở tự nguyện và đều kết hôn lần đầu.

Sau cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm lối sống, Ông Ph. không chung thủy. Nay bà không còn tình cảm, không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau,

tình trạng vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, ông bà đã sống ly thân. Nay bà có nguyện vọng ly hôn.

Về con chung: Bà V. khai ông bà có 02 con chung:

Nguyễn Văn M., sinh ngày 25/4/2006

và Nguyễn Văn A., sinh ngày 27/3/2009

Sau ly hôn Bà V. có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, nếu không được bà xin trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Văn A. và không yêu cầu Ông Ph. cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nhà ở chung:

+ Về tài sản sinh hoạt: Bà V. không đề nghị nghị tòa án giải quyết.

+ Về nhà ở: Bà V. khai không có nhà ở chung.

Vợ chồng không nợ tiền ai.

Hiện tại Bà V. đang làm việc tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản T. thu nhập 10.000.000 đồng/tháng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ph. trình bày: Ông và Bà V. kết hôn năm 2004 có đăng ký kết hôn tại UBND phường HĐ., quận T.X., Hà Nội ngày 20/5/2004 trên cơ sở tự nguyện và đều kết hôn lần đầu. Ông cho rằng cuộc sống vợ chồng hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, ông cũng xác nhận khoảng tháng 4/2017 Bà V. đã chuyển ra khỏi nhà và vợ chồng sống ly thân từ đó, bản thân ông thấy không có lỗi gì nên không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay Bà V. xin ly hôn ông không đồng ý vì muốn con cái có bố mẹ, trường hợp Bà V. kiên quyết ly hôn thì yêu cầu Bà V. giải quyết chia số tiền 2.700.000.000 đồng là tiền chung của hai vợ chồng, hoặc phải niêm yết số tiền này lại không được sử dụng đời khi hai con đủ 18 tuổi sẽ chuyển cho hai con.

Ông Ph. khai vợ chồng có 02 con chung:

Nguyễn Văn M., sinh ngày 25/4/2006.

và Nguyễn Văn A., sinh ngày 27/3/2009.

Sau ly hôn Ông Ph. có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, và không yêu cầu Bà V. cấp dưỡng nuôi con. Ông cho rằng Bà V. không có việc làm, không có thu nhập và hiện còn đang đi học nên không đủ điều kiện nuôi con. Hiện tại Ông Ph. đang làm Phó giám đốc Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Trường Thành thu nhập khoảng 22.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản nhà ở chung:

+ Về nhà ở chung: Ông Ph. khai vợ chồng không có nhà ở chung.

+ Về tài sản: Ông Ph. khai vợ chồng có 2.700.000.000 đồng cả tiền gốc và lãi hiện Bà V. đang gửi tiết kiệm. Tuy nhiên ông không biết Bà V. đang gửi ngân hàng nào và không xuất trình được tài liệu khẳng định mà chỉ bằng lời khai của mình. Ông có yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền chung của vợ chồng bằng cách chia hoặc Bà V. không được dùng số tiền này mà phải niêm phong đợi hai con chung đủ 18 tuổi thì sẽ giao lại cho các con.

+ Về nợ: Vợ chồng không nợ ai.

Trong quá trình giữ quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng Bà V., Ông Ph. vẫn giữ nguyên ý kiến.

Tại phiên tòa: Bà V. vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và các đề nghị khác về con chung, tài sản; Ông Ph. không đồng ý ly hôn và đề nghị nếu trường hợp phải ly hôn Ông Ph. xin trực tiếp nuôi 02 con chung không yêu cầu Bà V. cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản: Ông đề nghị Tòa án xem xét chia số số tiền 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng).

Ông Ph., Bà V. không có đề nghị gì khác và không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T.X., Thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành của những người tham gia tố tụng dân sự đã chấp hành hành đúng việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1

Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thúy V.; Bà Nguyễn Thị Thúy V. được ly hôn ông Nguyễn Văn Ph..

Giao cháu Nguyễn Văn M., sinh ngày 25/4/2006 cho Ông Ph. trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Giao cháu Nguyễn Văn A., sinh ngày 27/3/2009 cho Bà V. trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản nhà ở chung:

+ Về nhà ở chung ông bà không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

+ Về tài sản: Đối với yêu cầu của Ông Ph. chia số tiền 2.700.000.000 đồng, do Ông Ph. không cung cấp được tài liệu chứng cứ và không nộp tạm ứng án phí nên không xét.

Bà V. phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Thúy V. và ông Nguyễn Văn Ph. sinh sống tại phường HĐ., quận T.X., Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận T.X. thụ lý và giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thúy V. với ông Nguyễn Văn Ph. là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn.

Qua các buổi hòa giải, xác minh tại địa phương cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ đã xác định vợ chồng Bà V. và Ông Ph. trong cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn: Bà V. cho rằng Ông Ph. có quan hệ ngoại tình với một người phụ nữ khác, vợ chồng không tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau, bất đồng quan điểm sống. Khi mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng dẫn đến vợ chồng ly thân bản thân Bà V. và Ông Ph. không có biện pháp hữu hiệu để vợ chồng hàn gắn tình cảm vợ chồng mà ngày càng xa cách.

Xét mâu thuẫn giữa Bà V. và Ông Ph. đã trầm trọng, kéo dài, hạnh phúc vợ chồng và mục đích hôn nhân không đạt được, nguyện vọng xin ly hôn của Bà V. là phù hợp với pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà V. đối với Ông Ph..

- Về con chung:

Qua các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án nhận thấy Bà V. và Ông Ph. có 02 con chung:

Nguyễn Văn M., sinh ngày 25/4/2006.

và Nguyễn Văn A., sinh ngày 27/3/2009.

Ông Ph. và Bà V. đều có nguyện vọng xin trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng của cháu Nguyễn Văn M. nếu bố mẹ ly hôn không xin ở với ai mà tôn trọng quyết định của bố mẹ. Nguyện vọng của cháu Nguyễn Văn A. nếu bố mẹ ly hôn cháu xin ở với mẹ.

Nguyện vọng được nuôi con của Ông Ph. Bà V. đều chính đáng. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự và đảm bảo quyền lợi cho cháu An và cháu Minh xét thấy Bà V. và Ông Ph. đều có việc làm, có thu nhập, có nơi ở ổn định nên sau ly hôn giao cháu Nguyễn Văn M., sinh ngày 25/4/2006

cho Ông Ph. trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Văn A., sinh ngày 27/3/2009 cho Bà V. trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung:

Bà V. khai:

+ Về tài sản sinh hoạt: Bà V. không đề nghị nghị tòa án giải quyết.

+ Về nhà ở: Bà V. khai không có nhà ở chung không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ông Ph. khai:

+ Nhà ở chung: không có

+ Về tài sản: Ông Ph. khai vợ chồng có 2.700.000.000 đồng cả tiền gốc và lãi hiện Bà V. đang gửi tiết kiệm. Tuy nhiên ông không biết Bà V. đang gửi ngân hàng nào và không xuất trình được tài liệu khẳng định mà chỉ bằng lời khai của mình. Ông có yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền chung của vợ chồng bằng cách chia hoặc Bà V. không được dùng số tiền này mà phải nuôi phong đợ hai con chung đủ 18 tuổi thì sẽ giao lại cho các con.

Bà V. khẳng định vợ chồng ông bà không có số tiền 2.700.000.000 đồng và không chấp nhận đề nghị của Ông Ph. về cách giải quyết số tiền này.

Tòa án đã thông báo Ông Ph. cung cấp những tài liệu chứng cứ chứng minh ông bà có số tiền 2.700.000.000 đồng và địa chỉ nơi gửi số tiền này, cũng như thông báo nộp tiền tạm ứng án phí để giải quyết tranh chấp nhưng Ông Ph. không thực hiện theo thông báo nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét yêu cầu trên của Ông Ph..

Bà V. phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bà V., Ông Ph. được kháng cáo theo pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81'82'83 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, danh mục mức án phí lệ phí kèm theo,

Xử:

I. Về hôn nhân:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thúy V..
2. Xử cho bà Nguyễn Thị Thúy V. được ly hôn ông Nguyễn Văn Ph..

II. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Thúy V. và ông Nguyễn Văn Ph. có 02 con chung:

+ Nguyễn Văn M.; sinh ngày 25/4/2006.

+ và Nguyễn Văn A.; sinh ngày 27/3/2009.

Sau ly hôn giao cháu Nguyễn Văn M., sinh ngày 25/4/2006 cho Ông Ph. trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Văn A., sinh ngày 27/3/2009 cho Bà V. trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau cho đến khi có sự thay đổi.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền , nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

III. Về tài sản và nhà ở chung:

- Bà V. và Ông Ph. khai không có nhà ở chung không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét.

- Về tài sản sinh hoạt: Ông Ph. và Bà V. không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét.

- Không xét yêu cầu chia số tiền 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng) của ông Nguyễn Văn Ph..

IV. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thúy V. phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0007377 ngày 08/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận T.X..

V. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Thúy V. và ông Nguyễn Văn Ph. có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND Q. T.X.;
- Chi cục THADS Q. T.X.;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Lan Anh